



CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Tòa nhà Anna, Số 10 Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) (28) 328 912 889 - Fax: (84) (28) 328 912 789

E-mail: info@sbg.vn - Website: www.sbg.vn

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

MỤC I: ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1: Viết tắt

Trong Điều lệ này, những từ viết tắt dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. Công ty Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam, bao gồm các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam thành lập và quản lý hoạt động
2. Điều lệ Điều lệ của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
3. ĐHĐ Đại hội đồng cổ đông
4. HĐQT Hội đồng quản trị
5. TGD Tổng Giám đốc
6. GD Giám đốc
7. UBKT Ủy ban kiểm toán
8. Luật Doanh nghiệp Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành
9. Luật Chứng khoán Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản hướng dẫn thi hành

ĐIỀU 2: Định nghĩa

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. Cấp quản lý Bao gồm ĐHĐ, HĐQT, TGD hoặc cấp GD do HĐQT quyết định, các cấp trưởng phòng và các cấp quản lý khác do ĐHĐ hoặc HĐQT quyết định
2. Chứng khoán Là tài sản, bao gồm các loại sau đây:
 - a) Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ;
 - b) Chứng quyền, chứng quyền có bảo đảm, quyền mua cổ phần, chứng chỉ lưu ký;
 - c) Chứng khoán phái sinh;
 - d) Các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ phiếu Quỹ Là cổ phần chưa bán do Công ty mua lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán

4. Cổ đông lớn Là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty
5. (Nhóm) Cổ Đông Có Quyền Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên
6. Chứng Nhận Cổ Phiếu Là văn bản mà Công ty cấp cho các cổ đông tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà cổ đông sở hữu, nhằm xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty
7. Đại diện Dự Hội là người được cổ đông hoặc Đại Diện Ủy Quyền chỉ định phù hợp với các quy định của Điều lệ để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐ
8. Đại Diện Ủy Quyền Là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông
9. Hội Đồng Giao Dịch Thuộc Thẩm Quyền Đặc Biệt Là hội đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với
 - a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và Người Có Liên Quan của họ;
 - b) Thành viên HĐQT, TGD và Người Có Liên Quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, TGD và Người Quản Lý của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần
 - d) Doanh nghiệp những người có liên quan của thành viên HĐQT, TGD và Người Quản Lý làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
10. Người Có Liên Quan Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, và các văn bản sửa đổi bổ sung theo từng thời điểm
11. Người Điều Hành Bao gồm TGD, GD, Phó GD, kế toán trưởng của Công ty
12. Người Quản Lý Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, GD và các chức danh quản lý khác do ĐHĐ hoặc HĐQT quyết định cho phép nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty
13. Vốn điều lệ Là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty

ĐIỀU 3: Nguyên tắc chung

1. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Tòa nhà Anna, Số 10 Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) (28) 328 912 889 - Fax: (84) (28) 328 912 789

E-mail: info@sbg.vn - Website: www.sbg.vn

2. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
3. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ

MỤC II: THÔNG TIN CHUNG

ĐIỀU 4: Thông tin về công ty

1. Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM
2. Tên tiếng Anh : SIAM BROTHERS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY
3. Loại hình hoạt động : Công ty cổ phần và là Công ty đại chúng
4. Trụ sở chính : Tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
5. Điện thoại : (028)328.912.889
6. Fax : (028)328.912.889
7. Email : info@sbg.vn
8. Website : www.sbg.vn
9. Văn phòng đại diện : Lầu 10, Tòa PDD, 162 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM
10. Tùy từng thời điểm, Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép

ĐIỀU 5: Thời hạn hoạt động

1. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định pháp luật và tại Điều lệ, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày đăng ký thành lập Công ty và là vô thời hạn.
2. Thời hạn hoạt động đối với từng dự án của Công ty sẽ theo quy định của pháp luật và được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc các giấy tờ pháp lý khác có giá trị tương đương) được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền

ĐIỀU 6: Ngành nghề kinh doanh

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1324 (Chính)	Sản xuất các loại dây bện và lưới Chi tiết: Sản xuất dây PP, dây PE, dây thừng bện dùng trong nông ngư nghiệp

4690	<p>Bán buôn tổng hợp</p> <p>Chi tiết: Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các sản phẩm có mã HS sau: các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực ngư nghiệp 5608, 5607, 8539, 8418, 3916, 3926, 3208, các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp: 8432, 8433, 8434, 8436, 5803 (CPC 622)</p>
6201	<p>Lập trình máy vi tính</p> <p>Chi tiết: sản xuất và phát triển phần mềm máy tính (CPC 842)</p>
2220	<p>Sản xuất sản phẩm từ plastic</p> <p>Chi tiết: Sản xuất các phụ kiện, trang cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp</p>
6810	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết: Thực hiện theo Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản</p>
3511	Sản xuất điện
3512	<p>Truyền tải và phân phối điện</p> <p>Chi tiết: bán điện cho người sử dụng</p>

ĐIỀU 7: Người đại diện theo pháp luật

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật và giữ chức danh Chủ tịch HĐQT
2. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam
3. Người đại diện theo pháp luật có quyền đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8: Cổ đông sáng lập

1. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty gồm có:

HỌ VÀ TÊN	QUỐC TỊCH	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	CMND/HỘ CHIẾU
VEERAPONG SAWATYANON	Thái Lan	87/1 Quốc lộ 1A. phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	AA7592516 do Bộ ngoại giao Thái Lan cấp ngày 01/02/2017
ITTHAPAT SAWATYANON	Thái Lan	87/1 Quốc lộ 1A. phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	AA2277028 do Bộ ngoại giao Thái Lan cấp ngày 01/10/2013
PRATIP SAWATYANON	Thái Lan	87/1 Quốc lộ 1A. phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	C656191 do Bộ ngoại giao Thái Lan cấp ngày 08/09/2005
CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM HOLDINGS VIỆT NAM (Tên cũ: Công ty TNHH Siam Holdings Việt Nam) (Người đại diện: VEERAPONG SAWATYANON)		Lô A117, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100707813 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An đăng ký lần đầu ngày 13/2/2015

2. Thông tin góp vốn của các cổ đông sáng lập đăng ký lần đầu như sau:

HỌ VÀ TÊN	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ VỐN GÓP (VNĐ)	LOẠI CỔ PHẦN	THỜI ĐIỂM GÓP VỐN
VEERAPONG SAWATYANON	533.400	5.334.000.000	Phổ thông	Đã góp vốn
ITTHAPAT SAWATYANON	533.400	5.334.000.000		
PRATIP SAWATYANON	219.642	2.196.420.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM HOLDINGS VIỆT NAM (Người đại diện: VEERAPONG SAWATYANON)	6.713.558	67.135.580.000		
--	-----------	----------------	--	--

MỤC III: VỐN ĐIỀU LỆ, CHỨNG KHOÁN

ĐIỀU 9: Vốn điều lệ

- Vốn Điều lệ của công ty là: **273.664.760.000 đồng** (Hai trăm bảy mươi ba tỷ sáu trăm sáu mươi tư triệu bảy trăm sáu mươi nghìn). Công ty có thể thay đổi Vốn Điều lệ khi được ĐHD thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 27.366.476 (Hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi sáu) cổ phần phổ thông.
Mệnh giá: 10.000 (mười nghìn) đồng/ 01 (một) cổ phần.
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHD và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10: Chứng nhận cổ phiếu

- Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
- Chứng nhận cổ phiếu do Công ty phát hành luôn có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu do Công ty phát hành phải có đầy đủ các nội dung sau:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
 - Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - Quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (áp dụng đối với cổ phần ưu đãi)

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp Chứng nhận cổ phiếu.
4. Chứng nhận cổ phiếu cấp lần đầu và Chứng nhận cổ phiếu cấp lại do chuyển nhượng Chứng Khoán được Công ty phát hành miễn phí.
5. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu được Công ty cấp lại Chứng nhận cổ phiếu với điều kiện:
 - a) Có văn bản đề nghị được cấp lại Chứng nhận cổ phiếu với các nội dung sau: số Chứng nhận cổ phiếu hoặc thông tin về Chứng nhận bị mất, lý do yêu cầu cấp lại (bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất hay bị tiêu hủy), cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy trường hợp Chứng nhận bị mất, cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Chứng nhận cổ phiếu mới.
 - b) Hoàn trả Chứng nhận cổ phiếu bị hỏng, bị tẩy xóa cho Công ty;
 - c) Cung cấp bằng chứng chứng minh việc sở hữu cổ phần;
 - d) Thanh toán chi phí cấp lại Chứng nhận.
6. Đối với Chứng nhận cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Công ty có quyền yêu cầu chủ sở hữu Chứng nhận cổ phiếu đăng thông báo về việc Chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác trước 15 ngày kể từ ngày đề nghị Công ty cấp Chứng nhận cổ phiếu mới.

ĐIỀU 11: Chào bán và chuyển nhượng chứng khoán

1. Việc chào bán và chuyển nhượng Chứng Khoán thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ.
2. Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.
3. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐ có quy định khác.
4. Cổ phiếu Quỹ được Công ty ưu tiên chào bán theo cách thức do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán
5. Đối với việc chào bán cổ phần: Việc thông báo chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu được Công ty thông báo chậm nhất 20 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần.
6. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn

chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

7. Nếu chưa kết thúc đợt chào bán nhưng đã đến hạn thanh toán cổ phần đăng ký mua mà cổ đông/người đăng ký mua cổ phần vẫn chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ cho số cổ phần đăng ký mua thì:
 - a) HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo và phải trước thời điểm kết thúc đợt chào bán), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi;
 - b) HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo;
 - c) Cổ đông/người nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền, phí, lệ phí có liên quan và lãi phát sinh từ thời điểm bị thu hồi đến khi hoàn tất việc thanh toán theo tỷ lệ và cách thức do HĐQT quyết định vào thời điểm thu hồi. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế và thanh toán các khoản tiền nêu trên.
8. Nếu kết thúc đợt chào bán mà cổ đông/người đăng ký mua cổ phần vẫn chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ cho số cổ phần đăng ký mua thì cổ đông/người đăng ký mua đương nhiên không còn là người sở hữu số cổ phần chưa được thanh toán. Cổ đông hoặc người đăng ký mua cổ phần do Công ty chào bán mà người đó chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh từ thời điểm đã đăng ký mua cổ phần đến khi kết thúc đợt chào bán.
9. Việc chuyển nhượng cổ phần phải được lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng và phải được cơ quan có thẩm quyền chứng thực trừ trường hợp ĐHD có quyết định khác hoặc chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của Luật Chứng Khoán và thị trường chứng khoán.

MỤC IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC

ĐIỀU 12: Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị của Công ty bao gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Tòa nhà Anna, Số 10 Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12,

thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) (28) 328 912 889 - Fax: (84) (28) 328 912 789

E-mail: info@sbg.vn - Website: www.sbg.vn

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
3. Tổng giám đốc

MỤC V: CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 13: Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các ĐHĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐ;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần mà mình đã thanh toán đầy đủ theo quy định tại Điều lệ, trừ trường hợp pháp luật có quy định về việc hạn chế chuyển nhượng;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHĐ và các nghị quyết của ĐHĐ;
 - g) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình khi cổ đông biểu quyết không thông qua Nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày ĐHĐ thông qua quyết định về các vấn đề qui định tại khoản này;
 - j) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần

ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHD thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

- k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ
3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm căn cứ theo cổ phiếu; nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty, sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản; có các quyền tương tự cổ đông phổ thông trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp ĐHD, quyền đề cử người vào HĐQT.
 4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu; có các quyền tương tự cổ đông phổ thông trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp ĐHD, quyền đề cử người vào HĐQT.
 5. Ngoài các quyền quy định tại Điều 12.1, (Nhóm) Cổ Đông Có Quyền có quyền sau đây:
 - a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - b) Yêu cầu triệu tập họp ĐHD trong trường hợp:
 - (i) HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao
 - (ii) Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 6 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế
 6. Ngoài các quyền quy định tại Điều 12.1, (Nhóm) Cổ Đông Có Quyền có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT được thực hiện theo Khoản 2, 3 Điều 29 của Điều lệ

ĐIỀU 14: Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định của pháp luật và Điều lệ thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHD, HĐQT.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Cổ đông tự mình chịu toàn bộ trách nhiệm khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức nhằm thực hiện một trong các hành vi sau:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
7. Cổ Đông Lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
8. Cổ Đông Lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
9. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ.

MỤC VI: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 15: Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHD gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. ĐHD có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT;
 - k) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động HĐQT
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 16: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐ có thể họp bất thường.
2. Địa điểm họp ĐHĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam
3. Thành viên HĐQT phải tham dự họp ĐHĐ thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên HĐQT phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT.
4. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp ĐHĐ thường niên.
5. HĐQT, người triệu tập họp ĐHĐ phải tuân thủ đúng thủ tục, trình tự triệu tập, sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để các cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp đúng theo quy định pháp luật và Điều lệ.

Điều 17: Triệu tập họp và Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐ thường niên và bất thường.
2. Trường hợp HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐ:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b) Số lượng thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Điều lệ;
 - c) Theo yêu cầu của (Nhóm) Cổ Đông Có Quyền trong trường hợp:
 - (i) HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao
 - (ii) Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 6 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế
 - d) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ
 - e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐ của (Nhóm) Cổ Đông Có Quyền quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 17 Điều lệ phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ

phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Thẩm quyền và thời hạn triệu tập họp

- a) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày (i) xảy ra sự kiện nêu tại Điểm a, b, d, e Khoản 2 Điều 17 của Điều lệ hoặc (ii) HĐQT nhận được văn bản yêu cầu họp lệ quy định tại Điểm c, Khoản 2 Điều 17 Điều lệ
- b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐ theo quy định tại khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập họp tại Điểm c Khoản 2 Điều 17 của Điều lệ có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐ. Trong trường hợp này, (Nhóm) Cổ Đông Có Quyền có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết

5. Người triệu tập họp ĐHĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐ. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết ĐHĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ;
- h) Công việc khác phục vụ cuộc họp

6. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

7. Phương thức và thời hạn gửi: Thông báo mời họp ĐHĐ: gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông bằng cách chuyển tận tay có văn bản giao nhận hoặc gửi qua bưu điện, chuyển phát có bảo đảm tới địa chỉ liên lạc mà cổ đông cung cấp. Đồng thời, công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách

cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

8. Tài liệu đính kèm: Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau, hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu:
- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Phiếu biểu quyết;
 - Mẫu chỉ định Đại diện dự họp
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT
 - Các tài liệu khác theo quy định pháp luật hoặc Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

ĐIỀU 18: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- Người triệu tập họp ĐHĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
- ĐHĐ thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT
 - Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
 - Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - Kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (nếu có);
 - Hoạt động của UBKT trực thuộc HĐQT;
 - Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc HĐQT (nếu có);
 - Kết quả giám sát đối với TGD;
 - Kết quả giám sát đối với Người Điều Hành khác;
 - Các kế hoạch trong tương lai

- d) Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT tại cuộc họp ĐHĐ thường niên về những vấn đề sau:
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT
 - Tổng kết các cuộc họp của UBKT và các kết luận, kiến nghị của UBKT;
 - Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, người Điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;
 - Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và người điều hành khác của doanh nghiệp;
 - Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa UBKT với HĐQT, TGD và các cổ đông.
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f) Số lượng thành viên HĐQT
- g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
- h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT
- i) D sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết khi xét thấy cần thiết;
- j) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
- k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- m) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- p) Các Hợp Đồng Giao Dịch Thuộc Thẩm Quyền Đặc Biệt của phải được ĐHĐ chấp thuận

- q) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động HĐQT;
 - r) Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHD trước đó chưa được thực hiện, HĐQT phải báo cáo ĐHD tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHD, HĐQT phải trình ĐHD tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.
 - s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. (Nhóm) Cổ Đông Có Quyền có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHD. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Người triệu tập họp ĐHD phải chấp nhận và đưa kiến nghị của (Nhóm) Cổ Đông Có Quyền vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp trừ trường hợp đề xuất thuộc trường hợp Người triệu tập họp ĐHD có quyền từ chối, cụ thể:
- a) Đề xuất không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung
 - b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHD

ĐIỀU 19: Đại Diện Ủy Quyền và Đại Diện Dự Họp

1. Cổ đông có thể ủy quyền cho một (01) Đại Diện Ủy Quyền là cá nhân để thực hiện các quyền của mình theo quy định tại Điều lệ. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền cử từ một (01) đến ba (03) Đại Diện Ủy Quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một (01) Đại Diện Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi Đại Diện Ủy Quyền. Trường hợp cổ đông không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi Đại Diện Ủy Quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng Đại Diện Ủy Quyền.
2. Đại Diện Ủy Quyền phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
3. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Ủy Quyền chỉ có hiệu lực khi được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn năm (05) ngày làm việc trước ngày có hiệu lực của việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi đó. Thông báo cử Đại Diện Ủy Quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Họ và Tên, quốc tịch, địa chỉ thường trú nếu cổ đông ủy quyền là cá nhân; Họ và Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương nếu cổ đông ủy quyền là tổ chức;
 - b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;
 - c) Nếu cổ đông là tổ chức ủy quyền cho nhiều Đại Diện Ủy Quyền thì ghi rõ số lượng Đại Diện Ủy Quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi Đại Diện Ủy Quyền; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng Đại Diện Ủy Quyền
 - d) Thời hạn ủy quyền và ngày bắt đầu được thực hiện quyền ủy quyền (ghi rõ của từng người nếu có nhiều Đại Diện Ủy Quyền);
 - e) Họ, tên, chữ ký của từng Đại Diện Ủy Quyền và cổ đông ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông ủy quyền là tổ chức
4. Mọi hạn chế của cổ đông là tổ chức đối với Đại Diện Ủy Quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại ĐHĐ đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba (bao gồm cả Công ty).
5. Các cổ đông và Đại Diện Ủy Quyền có quyền trực tiếp tham dự cuộc họp ĐHĐ hoặc ủy quyền lại cho người khác làm Đại Diện Dự Hội họp phù hợp với quy định tại Điều lệ. Đại Diện Ủy Quyền là Đại Diện Dự Hội họp đương nhiên của cổ đông trừ trường hợp ủy quyền lại theo quy định tại Điều lệ. Cổ đông đã cử Đại Diện Ủy Quyền không được ủy quyền cho người khác làm Đại Diện Dự Hội họp trừ khi Đại Diện Ủy Quyền của cổ đông đó không thể đến tham dự họp. Đại Diện Ủy Quyền của cổ đông là cá nhân không được ủy quyền lại cho người khác dự họp trừ trường hợp cổ đông đó đồng ý bằng văn bản hoặc được ghi nhận tại văn bản ủy quyền. Số lượng Đại Diện Dự Hội họp tối đa là 01 (một) người với mỗi cổ đông ủy quyền hoặc mỗi Đại Diện Ủy Quyền.
6. Việc cử Đại Diện Dự Hội họp phải được lập thành văn bản ủy quyền và phải đảm bảo tuân thủ nguyên tắc sau:
- a) Trường hợp là cổ đông trực tiếp ủy quyền thì phải được ký bởi người ủy quyền và Đại Diện Dự Hội họp.
 - b) Trường hợp người ủy quyền là cổ đông đã có Đại Diện Ủy Quyền thì phải ngoài điều kiện nêu trên phải có xác nhận bằng văn bản của Đại Diện Ủy Quyền về việc không thể tham dự họp ĐHĐ.
 - c) Trường hợp Đại Diện Ủy Quyền ủy quyền lại cho người khác làm Đại Diện Dự Hội họp thì phải có chữ ký của Đại Diện Ủy Quyền, Đại Diện Dự Hội họp và chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức trừ trường hợp văn bản ủy quyền có xác nhận cho phép Đại Diện Ủy Quyền được ủy quyền lại.
 - d) Trong các trường hợp còn lại văn bản ủy quyền phải có đủ chữ ký của cổ đông và Đại Diện Dự Hội họp.

- e) Nội dung nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền.
7. Đại Diện Dự Hội phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp ĐHĐ
8. Phiếu biểu quyết của Đại Diện Dự Hội trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự sau thời điểm ủy quyền; hoặc
 - b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền nhưng không thông báo đến công ty trong thời hạn quy định; hoặc
 - c) Cổ đông đã huỷ bỏ việc ủy quyền lại của Đại Diện Ủy Quyền nhưng không thông báo đến công ty trong thời hạn quy định tại Điều 19.9
9. Qui định tại khoản 8 điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các trường hợp qui định tại khoản 8 điều này chậm hơn hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của ĐHĐ.
10. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định Đại Diện Dự Hội, việc chỉ định Đại Diện Dự Hội trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định Đại Diện Dự Hội đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
11. Cổ đông sẽ được coi là có tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐ trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Biểu quyết thông qua Đại Diện Ủy Quyền hoặc Đại Diện Dự Hội theo quy định tại Điều lệ;
 - c) Biểu quyết theo hình thức bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ;
 - d) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của ĐHĐ tùy từng thời điểm

ĐIỀU 20: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 60% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 120 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐ lần thứ nhất. ĐHĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được quyền tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐ lần thứ nhất.
4. Chỉ có ĐHĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ.

ĐIỀU 21: Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức gồm:
 - a) Biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐ
 - b) Lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 21 của Điều lệ
 - c) Hội nghị trực tuyến, theo quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
 - d) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
2. ĐHĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
3. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐ:
 - g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - h) Định hướng phát triển công ty;
 - i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
 - k) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - m) Tổ chức lại, giải thể công ty.

ĐIỀU 22: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức ĐHĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông có quyền đăng ký dự họp theo hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định nếu như Công ty cho phép sử dụng các hình thức này và được thể hiện rõ tại thông báo mời họp ĐHĐ.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc Đại Diện Dự Họp có quyền biểu quyết một hoặc nhiều thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên Đại Diện Ủy Quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trường hợp biểu

- quyết qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định thì thẻ biểu quyết của cổ đông được Công ty cấp theo quy chế do Công ty ban hành và được thông báo cho các cổ đông.
3. Cổ đông hoặc Đại Diện Dự Hợp đến dự ĐHĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã biểu quyết trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
 4. Cổ đông, Đại Diện Ủy Quyền không thể đến tham dự họp và không thể cử Đại Diện Dự Hợp đến tham dự họp có quyền đề nghị gửi thẻ biểu quyết thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông, Đại Diện Ủy Quyền phải thông báo với công ty để nhận thẻ biểu quyết và thẻ biểu quyết phải được gửi theo đúng hình thức quy định, đến đúng địa chỉ tổ chức họp ĐHĐ ghi trên thông báo mời họp trước ít nhất một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp thì mới có giá trị. Các thẻ biểu quyết này phải được niêm phong cho đến khi thực hiện kiểm phiếu.
 5. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, người triệu tập họp ĐHĐ điều khiển để ĐHĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp HĐQT không phải là người triệu tập họp ĐHĐ, người ký tên triệu tập họp ĐHĐ điều hành để ĐHĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp
 6. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp
 7. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Các vấn đề về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐ sẽ do Chủ tọa quyết định thực hiện theo quy định tại Điều lệ
 8. Theo đề nghị của chủ tọa, ĐHĐ thông qua danh sách ban kiểm phiếu và ban giám sát kiểm phiếu (nếu cần thiết). Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người. Ban kiểm phiếu có thể lập thêm bộ phận hỗ trợ cho việc thu và kiểm phiếu.
 9. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
 10. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Các thành viên tham dự không có đủ chỗ ngồi hoặc không có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;

- b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- 11.** Trong trường hợp ĐHD bị hoãn hoặc tạm dừng, HĐQT có trách nhiệm xác định lại địa điểm phù hợp để tổ chức ĐHD và kiến nghị với chủ tọa cuộc họp. HĐQT đồng thời, với sự đồng ý của chủ tọa, có các trách nhiệm sau:
- a) Thông báo về việc tổ chức lại đại hội, thời gian và địa điểm tổ chức họp thay thế;
 - b) Bố trí, tổ chức đại hội đảm bảo khả năng tham dự đại hội của tất cả các cổ đông;
 - c) Kiến nghị với chủ tịch và thực hiện sau khi có sự đồng ý của chủ tọa các biện pháp cần thiết để tổ chức lại đại hội
- 12.** Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHD trái với quy định tại Điều lệ, ĐHD bầu một người khác trong số những dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực

ĐIỀU 23: Thẻ thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHD, trừ trường hợp quy định tại Điều 21.2 của Điều lệ.
2. HĐQT có trách nhiệm sau đây khi tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản:
 - a) Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ và pháp luật;
 - b) Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến trong đó ghi rõ thời hạn cổ đông phải gửi lại phiếu lấy ý kiến cho Công ty, dự thảo nghị quyết của ĐHD, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và các tài liệu văn bản khác theo quy định của Điều lệ. Các tài liệu này phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Ủy

Quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

- d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Phương thức gửi phiếu lấy ý kiến cho Công ty (địa chỉ gửi thư nếu không phải là địa chỉ trụ sở chính của Công ty, cách thức gửi fax hoặc thư điện tử hợp lệ)
 - f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc Đại Diện Ủy Quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a) Gửi thư: phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Gửi fax hoặc thư điện tử: phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được gửi theo hình thức ghi nhận tại phiếu lấy ý kiến và được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
6. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Trường hợp cổ đông không gửi trả lại phiếu lấy ý kiến hoặc phiếu lấy ý kiến được bỏ trống thì được xem là Cổ đông đã không tham gia biểu quyết.
7. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của tối thiểu một (01) cổ đông không phải là Người Quản Lý hoặc Người Điều Hành. HĐQT có thể cử người phụ trách quản trị công ty hoặc thư ký Công ty hoặc một người khác làm thư ký và tham gia kiểm phiếu.
8. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

9. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
10. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
11. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐ

ĐIỀU 24: Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp “Thay đổi các quyền” quy định tại Điều 25, việc thông qua Nghị quyết ĐHĐ sẽ tuân thủ theo quy định tại Điều này
2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và khoản 4 của Điều này, các nghị quyết của ĐHĐ được thông qua khi có sự chấp thuận từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Dự Họp (đối với hình thức biểu quyết tại cuộc họp) hoặc của các cổ đông có quyền biểu quyết (nếu tổ chức theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).
3. Các nghị quyết của ĐHĐ liên quan đến các vấn đề sau phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Dự Họp (đối với hình thức biểu quyết tại cuộc họp) hoặc của các cổ đông có quyền biểu quyết (nếu tổ chức theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) tán thành:
 - a) Loại cổ phần/cổ phiếu và tổng số cổ phần/cổ phiếu của từng loại, số lượng cổ phần/cổ phiếu được quyền chào bán;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e) Việc thông qua Hợp Đồng Giao Dịch Thuộc Thảm Quyền Đặc Biệt;
 - f) Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - g) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu

của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

5. Nghị quyết ĐHĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
6. Nghị quyết của ĐHĐ được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì nghị quyết đó được coi là hợp lệ, hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
7. Nghị quyết của ĐHĐ được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐ hoặc được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

ĐIỀU 25. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu.
3. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Đại Diện Dự Họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 26: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHD hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHD, (Nhóm) Cổ Đông Có Quyền có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHD trong các trường hợp sau đây:
 - a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHD vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 24.6;
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
2. Nghị quyết tại Điều 26.1 vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

ĐIỀU 27: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHD phải được ghi biên bản bằng tiếng Việt và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác, gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Thông tin công ty, gồm Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp ĐHD;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
3. Biên bản họp ĐHD phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp ĐHD phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp và có thể đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
6. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHD, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

MỤC VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 28: Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên của HĐQT là từ 06 đến 08 người, được ĐHD bầu theo phương thức bầu dồn phiếu.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Cơ cấu thành viên HĐQT:
 - a) Thành viên HĐQT không điều hành: đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
 - b) Thành viên HĐQT độc lập: đảm bảo tối thiểu 02 thành viên độc lập. Trong trường hợp số lượng HĐQT có sự thay đổi, số lượng Thành viên HĐQT độc lập được xác định như sau:
 - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 03 đến 05 thành viên;
 - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên;
 - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty
 - c) Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của công ty, không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam
 - d) Không đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 5 công ty khác

5. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Người Điều Hành của Công ty quy định tại Khoản 10 Điều 2 Điều lệ
6. Thành viên HĐQT độc lập theo phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
7. Thành viên HĐQT đương nhiên không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - b) Có đơn từ chức hợp lệ bằng văn bản và được chấp thuận;
 - c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Theo quyết định của ĐHĐ;
 - f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật
8. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của Luật Chứng Khoán và Luật Doanh Nghiệp

ĐIỀU 29: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi



CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Tòa nhà Anna, Số 10 Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12.

thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) (28) 328 912 889 - Fax: (84) (28) 328 912 789

E-mail: info@sbg.vn - Website: www.sbg.vn

ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ học vấn;
 - c) Trình độ chuyên môn;
 - d) Quá trình công tác;
 - e) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - f) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - g) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty
 - h) Họ tên của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó
 - i) Các thông tin khác (nếu có);
 - j) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT, cụ thể như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHD biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 30: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHD.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và ĐHD quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
- b) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty
- c) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- d) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- e) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- f) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- g) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định;
- h) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- i) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHQĐ;
- k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD, GD và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia HĐQT hoặc ĐHQĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- l) Giám sát, chỉ đạo TGD và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHQĐ, triệu tập họp ĐHQĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHQĐ thông qua nghị quyết;
- o) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên ĐHQĐ;
- p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- r) Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT trình ĐHQĐ thông qua và công bố trên trang

thông tin điện tử của công ty.

- s) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
 - t) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình ĐHĐ thông qua.
 - u) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác của công ty.
 - v) Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐ theo Điều 18.4.2 Điều lệ
 - w) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật
- 3.** Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:
- a) Việc thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b) Việc thành lập các công ty con của Công ty;
 - c) Việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty trừ các hợp đồng thuộc thẩm quyền phê chuẩn của ĐHĐ;
 - d) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e) Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g) Việc mua hoặc bán cổ phần/cổ phiếu, phần vốn góp của công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i) Việc công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình
- 4.** HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và Người Điều Hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty
- 5.** Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐ các báo cáo sau:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty quy định tại Điểm c, d, Khoản 2 Điều 18 của Điều Lệ

ĐIỀU 31: Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu và được Người Quản Lý hoặc Người Điều Hành khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;
 - d) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHD. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.
4. Các thành viên HĐQT (không bao gồm các người đại diện theo ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHD quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc nếu không thỏa thuận được thì chia đều.
5. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty
6. Thành viên HĐQT đồng thời giữ vị trí Người Điều Hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc những công việc khác mà khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

7. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHD, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHD.

ĐIỀU 32: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm TGĐ
3. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm:
 - a) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, triệu tập và là chủ tọa các cuộc họp của HĐQT theo quy định tại Điều lệ;
 - b) Lập chương trình kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - e) Làm Chủ tọa cuộc họp ĐHD;
 - f) Được tổ chức một văn phòng giúp việc;
 - g) Trong trường hợp cần thiết được quyền ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh do HĐQT quản lý. Sau đó phải báo cáo lại cho HĐQT trong một phiên họp gần nhất hoặc có thể thông báo trực tiếp cho các thành viên HĐQT bằng văn bản;
 - h) Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại cuộc họp ĐHD.
 - i) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định của pháp luật
4. Phó Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch HĐQT trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT ủy quyền nhưng việc ủy quyền chỉ có hiệu lực trong trường hợp Chủ tịch HĐQT đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình với lý do chính đáng và được HĐQT chấp nhận. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt và không thể thực hiện nhiệm vụ mà không ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐQT, các thành viên còn lại của HĐQT sẽ có quyền tổ chức họp HĐQT theo quy định tại Điều lệ để chỉ định Phó Chủ tịch HĐQT hoặc một người khác trong số họ thực hiện công việc thay thế Chủ tịch HĐQT. Người thay thế Chủ tịch HĐQT chỉ được thực hiện trong phạm vi nội dung công việc được HĐQT chỉ định.
5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT

theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

ĐIỀU 33: Người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có quyền ủy quyền cho một (01) người khác là cá nhân làm đại diện thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều lệ nếu được HĐQT chấp thuận. Việc thực hiện và hủy bỏ nội dung ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản hoặc hình thức khác do HĐQT phê chuẩn và chỉ có hiệu lực sau khi Công ty nhận được thông báo của Thành viên HĐQT.
2. Người đại diện theo ủy quyền của thành viên HĐQT có tất cả các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT đã ủy quyền nhưng không có quyền nhận thù lao thay cho thành viên HĐQT đã ủy quyền.
3. Việc ủy quyền đương nhiên không còn hiệu lực khi thành viên HĐQT đã ủy quyền không còn tư cách là thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ trừ trường hợp thành viên HĐQT đã ủy quyền được tái bổ nhiệm ngay lập tức tại thời điểm hết nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT.

ĐIỀU 34: Triệu tập họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Các cuộc họp HĐQT thường kỳ được tổ chức ít nhất một (01) lần mỗi quý. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lập chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm và triệu tập họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến
3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ khi nhận được đề nghị bằng văn bản của (i) Thành viên độc lập HĐQT, hoặc (ii) hai (02) thành viên HĐQT trở lên, hoặc (iii) TGD, hoặc (iv) năm (05) Người quản lý khác trở lên, trong đó nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đã đề nghị tổ chức họp có quyền triệu tập họp HĐQT.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty
6. Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
7. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất ba (03) ngày trước

- khi tổ chức họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT gửi Công ty trước thời điểm tổ chức họp HĐQT. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT đã được đăng ký tại Công ty.
8. Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
 9. Thành viên HĐQT hoặc người đại diện theo ủy quyền họp pháp được xem là có mặt tại cuộc họp HĐQT khi:
 - a) Trực tiếp tham dự cuộc họp tại địa điểm họp;
 - b) Thông qua phương tiện liên lạc, thông tin, điện tử hợp lệ đối với cuộc họp HĐQT cho phép tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến theo đó phải đảm bảo rằng mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - (i) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;
 - (iii) Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này.
 - c) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
 10. Địa điểm tổ chức họp HĐQT trong trường hợp cho phép tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến được xác định là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
 11. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành

viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

ĐIỀU 35: Tổ chức họp Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Trường hợp không thể tổ chức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định tổ chức họp HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp này thông báo họp phải đính kèm một hoặc nhiều phiếu biểu quyết về các vấn đề cần lấy ý kiến và phải ghi rõ ngày tiến hành kiểm phiếu. Các thành viên có quyền biểu quyết phải gửi trả lời phiếu biểu quyết cho Chủ tịch HĐQT bằng thư, đựng trong phong bì kín trước ngày tiến hành kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết để trống hoặc gửi không đúng thời hạn quy định được xem là không hợp lệ và xem như thành viên đó không biểu quyết.
2. Chủ tịch HĐQT lập ban kiểm phiếu không quá ba (03) người. Việc kiểm phiếu phải được thực hiện hoàn tất trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày tiến hành kiểm phiếu ghi trong thông báo. Phiếu biểu quyết phải được giữ bí mật trong suốt thời gian trước khi tiến hành kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số thành viên với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách thành viên tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các vấn đề đã được thông qua;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, thành viên ban kiểm phiếu và người giám sát (nếu có).
3. Chủ tịch HĐQT, thành viên ban kiểm phiếu và người giám sát phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

ĐIỀU 36: Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trừ trường hợp thành viên HĐQT không được biểu quyết hoặc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết theo quy định tại Điều lệ, mỗi thành viên HĐQT hoặc người đại diện theo ủy quyền có mặt dự họp tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Khi đó Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu phải có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
3. Thành viên HĐQT có thể tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết đối với hợp đồng, các giao dịch

hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó có lợi ích đáng kể. Trường hợp Thành viên HĐQT không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết thì phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ. Trường hợp thành viên được xem xét là chủ tọa cuộc họp thì các thành viên còn lại theo nguyên tắc đa số cử một người là người ra quyết định cuối cùng

4. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT có mặt tán thành (nếu cuộc họp HĐQT được tổ chức bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hội nghị trực tuyến) hoặc được đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết tán thành (nếu cuộc họp HĐQT được tổ chức bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

ĐIỀU 37: Biên bản họp và Nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký:

Biên bản họp HĐQT theo hình thức biểu quyết tại cuộc họp và hội nghị trực tuyến phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp, chủ tọa và người lập biên bản. Thành viên tham dự hội nghị trực tiếp không có mặt trực tiếp tại cuộc họp phải ký tên xác nhận nội dung biên bản ngay khi nhận được biên bản họp.

Biên bản họp HĐQT theo hình thức biểu quyết lấy ý kiến bằng văn bản phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người lập biên bản, đại diện thành viên ban kiểm phiếu và người giám sát.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định Điều 37.1 của Điều lệ thì biên bản này có hiệu lực

3. Nghị quyết HĐQT tổ chức theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hội nghị trực tuyến có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
4. Nghị quyết và Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

ĐIỀU 38: Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và các vấn đề khác tùy theo quyết định của ĐHĐ. HĐQT được quyền ban hành các quy định, quy chế, nguyên tắc vận hành và quản lý của các tiểu ban trực thuộc. Trong quá trình thực hiện công việc, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra.
2. Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT là tiểu ban do HĐQT thành lập và duy trì tuân theo các quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc thành lập, quản lý, điều hành ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT tuân thủ quy định tại Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định và có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Thành viên tiêu bản HĐQT có thể không là thành viên HĐQT nếu được HĐQT cho phép và phải đảm bảo số lượng thành viên không phải thành viên HĐQT ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban. Trưởng tiểu ban HĐQT do HĐQT quyết định. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
4. Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT chỉ được coi là có giá trị pháp lý khi được thực hiện phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ.

ĐIỀU 39: Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT phải bổ nhiệm 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là 5 (năm) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có hiểu biết về pháp luật
 - b) Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm trợ lý cho người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm. Quy định về quyền hạn và trách nhiệm của trợ lý cho người phụ trách quản trị do HĐQT quyết định
4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và ĐHĐ theo yêu cầu của HĐQT;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT;
- g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 40: Thư ký Công ty

1. HĐQT có thể chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT.
2. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Công ty bao gồm:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐ, HĐQT và ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - f) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán

MỤC VIII: THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

ĐIỀU 41: Thành phần Ủy ban kiểm toán

1. UBKT là cơ quan chuyên môn thuộc HĐQT. UBKT của Công ty có 3 thành viên. Chủ tịch UBKT phải là thành viên HĐQT độc lập. Các thành viên khác của UBKT phải là các thành viên HĐQT không Điều hành. Việc bổ nhiệm Chủ tịch UBKT và các thành viên khác trong UBKT phải được HĐQT thông qua tại cuộc họp HĐQT

2. Thành viên UBKT phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch UBKT phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

ĐIỀU 42: Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐ và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐ;
4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHĐ thường niên phê duyệt;
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
7. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.;
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT, TGD, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của UBKT.
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT.
10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
11. Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.
12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua.

ĐIỀU 43: Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. UBKT phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên UBKT tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. UBKT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động UBKT quy định. Mỗi thành viên UBKT có một phiếu biểu quyết. Quyết định của UBKT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch UBKT.

MỤC IX: TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

ĐIỀU 44: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Tổ chức bộ máy Công ty có TGD và Phó GD và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. TGD và các Phó GD có thể đồng thời là thành viên HĐQT, và được HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết HĐQT

ĐIỀU 45: Người điều hành

1. Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng Người Điều Hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người Điều Hành phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD do HĐQT quyết định và hợp đồng với những Người Điều Hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.

ĐIỀU 46: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng hoặc một (01) người khác làm TGD và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, thưởng, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của TGD phải được báo cáo tại ĐHĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của TGD là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
3. TGD phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây
 - a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định pháp luật;
 - b) Không được là người có quan hệ gia đình của Người Quản Lý của công ty và công ty

mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty

4. TGD có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a) Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐ thông qua;
- b) Theo ủy quyền của HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty mà không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại thuộc thẩm quyền hoặc được ĐHĐ hoặc HĐQT ủy quyền, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c) Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
- f) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
- g) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ và quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm; tuyển dụng và mức lương áp dụng cho những cán bộ quản lý và các chức danh khác theo sự ủy quyền của HĐQT;
- h) Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- j) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- k) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của TGD và pháp luật

5. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHD về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
6. HĐQT có thể bãi nhiệm TGD khi có từ hai phần ba thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của TGD nếu TGD là thành viên HĐQT) và bổ nhiệm một TGD mới thay thế. Việc bãi nhiệm phải tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ.

MỤC X: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

ĐIỀU 47: Trách nhiệm cần trọng

Thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty

ĐIỀU 48: Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều lệ
2. Thành viên HĐQT, TGD; người quản lý khác và những Người Có Liên Quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành khác có nghĩa vụ công khai lợi ích liên quan theo quy định pháp luật và có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT về các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những Người Có Liên Quan của thành viên đó, tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch nêu trên
4. Thành viên HĐQT, TGD người quản lý khác và những Người Có Liên Quan này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
5. Công ty có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những Người Có Liên Quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty
6. Các nghị quyết của ĐHD và HĐQT thông qua các Hợp Đồng Giao Dịch Thuộc Thẩm Quyền Đặc Biệt phải được công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán về công bố thông tin.
7. Thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

8. Thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được phép thực hiện bất cứ giao dịch hoặc thỏa thuận nào liên quan đến cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty khi họ đang nắm giữ các thông tin có khả năng tác động đến giá của cổ phiếu đó và thông tin này không được các cổ đông biết.

ĐIỀU 49: Thẩm quyền chấp thuận Hợp Đồng, Giao Dịch Thuộc Thẩm Quyền Đặc Biệt

1. Hợp Đồng, Giao Dịch Thuộc Thẩm Quyền Đặc Biệt phải được ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
2. Đối với các Hợp đồng, Giao dịch về khoản vay hoặc bảo lãnh:
 - a) Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và Người Có Liên Quan
 - b) Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và Người Có Liên Quan của cổ đông đó là cá nhân trừ trường hợp cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - c) Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Có Liên Quan của cổ đông là tổ chức trừ trường hợp Công ty và tổ chức là Người Có Liên Quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHQT hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại Điều lệ;
3. Thẩm quyền chấp thuận các Hợp Đồng, Giao Dịch Thuộc Thẩm Quyền Đặc Biệt
 - a) HĐQT chấp thuận các Hợp Đồng, Giao Dịch Thuộc Thẩm Quyền Đặc Biệt có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch này không có quyền biểu quyết.
 - b) ĐHQT chấp thuận Hợp Đồng, Giao Dịch Thuộc Thẩm Quyền Đặc Biệt sau đây:
 - h) Hợp Đồng, Giao Dịch Thuộc Thẩm Quyền Đặc Biệt có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất
 - ii) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51%

tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quy định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc TGD, GD có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

ĐIỀU 50: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều Lệ phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên HĐQT, Người Điều Hành với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 51: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. (Nhóm) Cổ Đông Có Quyền có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp ĐHĐ và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh

nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc Văn phòng Đại diện hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Cổ đông có quyền được yêu cầu Công ty cấp một bản sao Điều lệ. Điều lệ công ty được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty

MỤC XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 52: Công nhân viên và công đoàn

1. TGD phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người Điều Hành.
2. TGD phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

MỤC XIII: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

ĐIỀU 53: Phân chia lợi nhuận

1. ĐHĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, công bố chia cổ tức công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được sự đồng ý của ĐHĐ, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tài sản khác như cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán, tài sản khác do Công ty hoặc công ty khác phát hành theo quy định pháp luật và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này. Việc chi trả cổ tức bằng Cổ Phiếu Quỹ phải đảm bảo giá trị Cổ Phiếu Quỹ trả cổ tức bằng với giá trị cổ tức được chi trả và Cổ Phiếu Quỹ được xác định là cổ phần đã thanh toán đầy đủ sau khi trả cổ tức. Công ty thực hiện tăng Vốn Điều lệ theo quy định pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

MỤC XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

ĐIỀU 54: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty có quyền mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 55: Trích lập các quỹ

Hàng năm, Công ty sẽ trích lập quỹ theo quy định của pháp luật và theo quyết định ĐHĐ khi xét thấy cần thiết. Việc trích lập các quỹ sẽ do ĐHĐ quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT.

ĐIỀU 56: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

ĐIỀU 57: Chế độ Kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ, THÔNG BÁO THÔNG TIN RA CÔNG CHÚNG

ĐIỀU 58: Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được ĐHQĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. (Nhóm) Cổ Đông Có Quyền được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

ĐIỀU 59: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

1. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty thực hiện việc công báo ra công chúng các thông tin khác theo quy định pháp luật

MỤC XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 60: Kiểm toán

1. ĐHQĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho ĐHQĐ quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với ĐHQĐ. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho

HDQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHD thường niên.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp ĐHD và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHD mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

MỤC XVII: CON DẤU

ĐIỀU 61: Con dấu

3. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
4. HDQT quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
5. HDQT, TGD sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành

MỤC XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

ĐIỀU 62: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHD;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c) Phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHD quyết định, HDQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

ĐIỀU 63: Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, HDQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do ĐHD chỉ định và một (01) thành viên do HDQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự pháp luật đã quy định

MỤC XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 64: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa (i) cổ đông với Công ty, hoặc (ii) cổ đông với HĐQT, TGD hay Người Điều Hành khác; các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu ĐHQĐ chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục giải quyết tranh chấp. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.
4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT, TGD để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
 - a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ;
 - b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
5. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.
6. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được

tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

MỤC XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 65: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được ĐHĐ xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

MỤC XXI: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 66: Hiệu lực của Điều lệ

1. Bản Điều lệ này được lập gồm có 21 Mục, 66 Điều.
2. Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua theo Biên bản họp số 01/2021/ĐHĐHĐCĐ ngày 27/4/2021 và Nghị quyết số 01/2021/NQ.ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021 đính kèm Điều lệ.
3. Điều lệ được lập thành 03 (ba) lưu trữ tại Công ty.
4. Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày 27/4/2021.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)



VEERAPONG SAWATYANON

PHỤ LỤC

MỤC I: ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT TRONG ĐIỀU LỆ	2
ĐIỀU 1: Viết tắt	2
ĐIỀU 2: Định nghĩa	2
ĐIỀU 3: Nguyên tắc chung	3
MỤC II: THÔNG TIN CHUNG.....	4
ĐIỀU 4: Thông tin về công ty	4
ĐIỀU 5: Thời hạn hoạt động.....	4
ĐIỀU 6: Ngành nghề kinh doanh.....	4
ĐIỀU 7: Người đại diện theo pháp luật	5
ĐIỀU 8: Cổ đông sáng lập	6
MỤC III: VỐN ĐIỀU LỆ, CHỨNG KHOÁN	7
ĐIỀU 9: Vốn điều lệ.....	7
ĐIỀU 10: Chứng nhận cổ phiếu.....	7
ĐIỀU 11: Chào bán và chuyển nhượng chứng khoán.....	8
MỤC IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC	9
ĐIỀU 12: Cơ cấu tổ chức	9
MỤC V: CỔ ĐÔNG	10
ĐIỀU 13: Quyền của Cổ đông	10
ĐIỀU 14: Nghĩa vụ của cổ đông	11
MỤC VI: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
ĐIỀU 15: Đại hội đồng cổ đông.....	12
ĐIỀU 16: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	13
ĐIỀU 17: Triệu tập họp và Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	13
ĐIỀU 18: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	15
ĐIỀU 19: Đại Diện Ủy Quyền và Đại Diện Dự Họp.....	17
ĐIỀU 20: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
ĐIỀU 21: Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
ĐIỀU 22: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
ĐIỀU 23: Thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	22

ĐIỀU 24: Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	24
ĐIỀU 25. Thay đổi các quyền.....	25
ĐIỀU 26: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	26
ĐIỀU 27: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
MỤC VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
ĐIỀU 28: Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị	27
ĐIỀU 29: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	28
ĐIỀU 30: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	29
ĐIỀU 31: Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
ĐIỀU 32: Chủ tịch Hội đồng quản trị	33
ĐIỀU 33: Người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị.....	34
ĐIỀU 34: Triệu tập họp Hội đồng quản trị	34
ĐIỀU 35: Tổ chức họp Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	36
ĐIỀU 36: Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.....	36
ĐIỀU 37: Biên bản họp và Nghị quyết Hội đồng quản trị.....	37
ĐIỀU 38: Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	38
ĐIỀU 39: Người phụ trách quản trị Công ty.....	38
ĐIỀU 40: Thư ký Công ty.....	39
MỤC VIII: THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN	39
ĐIỀU 41: Thành phần Ủy ban kiểm toán.....	39
ĐIỀU 42: Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	40
ĐIỀU 43: Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	41
MỤC IX: TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	41
ĐIỀU 44: Tổ chức bộ máy quản lý	41
ĐIỀU 45: Người điều hành	41
ĐIỀU 46: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	41
MỤC X: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	43
ĐIỀU 47: Trách nhiệm cẩn trọng.....	43
ĐIỀU 48: Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi	43
ĐIỀU 49: Thẩm quyền chấp thuận Hợp Đồng, Giao Dịch Thuộc Thẩm Quyền Đặc Biệt.....	44
ĐIỀU 50: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	45

MỤC XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	45
ĐIỀU 51: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	45
MỤC XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	46
ĐIỀU 52: Công nhân viên và công đoàn.....	46
MỤC XIII: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	46
ĐIỀU 53: Phân chia lợi nhuận	46
MỤC XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	47
ĐIỀU 54: Tài khoản ngân hàng.....	47
ĐIỀU 55: Trích lập các quỹ	47
ĐIỀU 56: Năm tài chính.....	47
ĐIỀU 57: Chế độ Kế toán	47
MỤC XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ, THÔNG BÁO THÔNG TIN RA CÔNG CHÚNG	48
ĐIỀU 58: Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	48
ĐIỀU 59: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	48
MỤC XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	48
ĐIỀU 60: Kiểm toán	48
MỤC XVII: CON DẤU.....	49
ĐIỀU 61: Con dấu.....	49
MỤC XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	49
ĐIỀU 62: Chấm dứt hoạt động	49
ĐIỀU 63: Thanh lý.....	49
MỤC XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	50
ĐIỀU 64: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	50
MỤC XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	51
ĐIỀU 65: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	51
MỤC XXI: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.....	51
ĐIỀU 66: Hiệu lực của Điều lệ	51